

TRUYỆN THƠ QUỐC NGŨ NAM KỲ – MỘT LOẠI HÌNH VĂN CHƯƠNG BỊ LÃNG QUÊN

Dương Mỹ Thắm

Trường Đại học Văn Hiến

thamdm@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 7/6/2019; Ngày duyệt đăng: 27/8/2019

Tóm tắt

Vào những thập niên đầu thế kỷ XX, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được xuất bản, tái bản với số lượng lớn và bày bán phổ biến khắp các hiệu sách với giá bình dân. Thời đó, truyện thơ Quốc ngữ được người dân Nam Kỳ lục tỉnh yêu chuộng. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử và nhu cầu thưởng thức văn chương của người dân thay đổi nên từ giữa thế kỷ XX loại hình văn chương này dần mai một và bị lãng quên. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi giới thiệu hoàn cảnh ra đời, thị trường và tiếp nhận của người đọc đối với truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Từ khóa: Truyện thơ, Quốc ngữ, Nam Kỳ.

Verse-narrative written in Vietnamese Romanized script in Southern Vietnam – A forgetful literary genre

Abstract

In the early decades of the 20th century, verse-narrative written in Vietnamese Romanized script in Southern Vietnam was published and republished massively and sold in most of the bookstores with the reasonable price. At this time, the verse-narrative was appreciated by readers from the six southern provinces. Due to the historical conditions and changes in people's demands for reading literary works, however, this form of literature has become unpopular and neglectful since the mid-twentieth century. Within the scope of this study, the advent of this literary genre, the market, and the readers' reaction to verse-narrative written in Vietnamese Romanized script in the south of Vietnam are presented.

Keywords: Verse-narrative, Vietnamese Romanized script, Southern Vietnam.

1. Hoàn cảnh ra đời của truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ

Chính sách thay đổi hệ thống chữ viết ở Nam Kỳ

Cuối thế kỷ XIX, Nam Kỳ là thuộc địa do người Pháp trực tiếp cai trị với một hệ thống luật pháp của mẫu quốc. Đứng đầu Nam Kỳ là Thống đốc và bên dưới là các chủ tỉnh người Pháp. Nhà cầm quyền Pháp áp dụng nhiều chính sách để tiến hành cai trị Nam Kỳ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thấy được tầm quan trọng của giáo dục, nhà cầm quyền Pháp đã sử dụng nó như một công cụ thống trị, phá bỏ rào cản về sự bất đồng ngôn ngữ bằng cách áp đặt nền giáo dục mới dạy chữ Pháp, chữ Quốc

ngữ trong trường học thay thế chữ Nho.

Theo Nguyễn Văn Trung (1974), chính quyền thực dân chính thức dùng chữ Quốc ngữ trong hành chính vào năm 1869, được đánh dấu bằng Nghị định 22/2/1869 của thống đốc Nam Kỳ, quy định bắt buộc dùng chữ viết của tiếng An Nam bằng mẫu tự La tinh (chữ Quốc ngữ) trong giấy tờ chính thức. Nhưng mười năm sau, với nghị định 6/4/1878, người Pháp mới thực sự thi hành việc cưỡng bách dùng chữ Quốc ngữ trong hành chính. “Việc cưỡng bách dùng chữ Quốc ngữ trong hành chính và học chánh được nhà cầm quyền Pháp (các Đề đốc) coi như một chính sách quan trọng hàng đầu” (Nguyễn Văn Trung, 1974: 26). Bên cạnh những nghị định

mang tính bắt buộc, nhà cầm quyền Pháp còn khuyến khích bằng tiền thưởng cho những giáo viên dạy chữ Quốc ngữ và trao giải thưởng cho người Pháp học chữ Quốc ngữ nhằm thúc đẩy nhanh việc truyền bá chữ Quốc ngữ, phục vụ chính sách đồng hóa ở Nam Kỳ nói riêng ở Việt Nam nói chung.

Nhà cầm quyền Pháp chấp nhận chữ Quốc ngữ làm ngôn ngữ chung và quyết tâm xóa bỏ chữ Nho vì cho đó là một vật cản lớn đối với sự phát triển nền văn minh Âu châu. Thống đốc Nam Kỳ ban hành Nghị định 14/6/1880: “Mỗi làng, thị xã của Tổng không có trường Pháp sẽ thiết lập một trường dạy Quốc ngữ”. Đồng thời, nhà cầm quyền Pháp áp dụng chính sách “thưởng 200 quan mỗi năm” (Nguyễn Văn Trung, 1974: 40) cho giáo viên dạy chữ Quốc ngữ có dạy thêm tiếng Pháp, phát miễn phí *Gia Định báo* – Tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Nam Kỳ – và bản dịch bộ Hình luật bằng chữ Quốc ngữ cho Lý trưởng các làng ở Nam Kỳ.

Đầu thế kỷ XX, nền giáo dục mới ở Nam Kỳ đã đào tạo được một đội ngũ trí thức Tây học - một tầng lớp mới trong xã hội Nam Kỳ. Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, Nguyễn Trọng Quản, Trần Chánh Chiếu, Đặng Lễ Nghi, Trần Phong Sắc là những trí thức ở Nam Kỳ chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Pháp vừa thông thạo chữ Quốc ngữ vừa có một nền tảng giáo dục truyền thống rất vững chắc. Họ bắt đầu những công việc như phiên âm, dịch thuật, viết báo, sáng tác văn học bằng chữ Quốc ngữ. Đối tượng độc giả ở Nam Kỳ lúc bấy giờ chủ yếu là tầng lớp công chúng thị dân và viên chức nhỏ có thị hiếu thẩm mỹ bình dân. Họ quan tâm nhiều đến sự kiện, cốt truyện, tình tiết ly kỳ và ít chú ý về ngôn ngữ và nghệ thuật văn chương. Vì thế, nội dung truyện thơ Nôm bình dân rất phù hợp với thị hiếu của họ. Nhưng các ấn phẩm in Nôm ngày càng không phù hợp với chính sách ngôn ngữ - giáo dục của thực dân Pháp. Sự thoái trào của ấn phẩm Nôm đã tạo ra một khoảng trống, đòi hỏi phải có một loại ấn phẩm khác với thứ văn tự ngày càng trở nên thông dụng hơn để thay thế. Vì vậy, công việc cần làm và có thể làm ngay được là đem các truyện thơ Nôm và truyện văn xuôi chữ Hán

sẵn có phiên âm, phiên dịch ra chữ Quốc ngữ. Đây là thời kỳ giao thời chuyển dần từ văn học Nôm sang văn học Quốc ngữ, những tác phẩm như truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ ra đời và chiếm số lượng lớn trên thị trường chữ nghĩa.

Vì vậy, việc phiên âm Nôm ra Quốc ngữ, soạn lại “bổn cũ”, đặt “thơ mới”, “thơ hậu” cũng được các trí thức Nam Kỳ quan tâm hơn. Có khi họ chủ động biên soạn rồi gửi nhà in thực hiện các công đoạn còn lại để xuất bản tác phẩm và trên trang bìa chỉ ghi tên tác giả, như *Chiêu Quân công Hồ* của Huỳnh Tịnh Của (1906), *Chàng Nhái* của Lê Duy Thiện (1929), hay *Hạng Võ biệt Ngu Cơ* của Hoàng Minh Tự (1930). Phổ biến nhất là họ biên soạn rồi bán bản quyền cho người khác, chủ bản có thể là cá nhân hoặc hiệu sách, nhà in vì thế trên trang bìa phân biệt rất rõ tên tác giả, tên người xuất bản và bản quyền thuộc về ai. Cũng có khi các hiệu sách họ “đặt hàng” cho các tác giả biên soạn, làm mới những tác phẩm đã có, như Đức Tín Thư Xã đã “mướn người dịch lựa câu văn hay và đúng nghĩa, in theo lối kim thời để độc giả dễ đọc” (Lê Duy Thiện, 1929: 32) hay “*Thơ Mục Liên Thanh Đê* và *thơ Lâm Sanh Lâm Thoại* xưa sự tích mơ màng, bố cục rối rắm [núi] nên bỏ bổn cũ. Bổn biểu Quới Loan cậy ông Cử Hoành Sơn tân sang [san] rất hay” (Nguyễn Trọng Thạt, 1936: 17).

Công nghệ in hiện đại du nhập vào Việt Nam

Một trong những điều kiện quan trọng góp phần tạo nên sự thịnh hành của truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là công nghệ in. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp mang vào Sài Gòn công nghệ in hiện đại và thành lập nhà in nhà nước đầu tiên lấy tên là Imprimerie Impériale. Ban đầu nhà in chủ yếu in ấn tài liệu phục vụ nhà cầm quyền thực dân Pháp, chi phí do các cơ quan địa phương trả. Về sau, họ nhận in cả sách báo, giấy tờ của tư nhân. Nhân viên nhà in là những công nhân người Pháp, được hưởng lương theo lương bên Pháp cộng thêm phụ cấp thuộc địa, thâm niên. Người ta so sánh lương thợ nhà in 144 đồng, bằng lương một cử nhân luật lúc bấy giờ (Nguyễn Văn Trung, 2015: 614).

Nhà nghiên cứu McHale (2004) cho rằng:

“Từ năm 1908 đến 1920, Pháp ra sức ngăn chặn các tài liệu Hoa ngữ tuồn vào nước ta (...) Những năm đầu giai đoạn này, chính quyền dè dặt trước các nhà xuất bản Việt Nam: chỉ một số ít người dân có thể đọc nguyên bản tiểu thuyết, và vài xuất bản phẩm tiếng Việt được lưu hành. Từ năm 1920 đến 1939, dù có những quãng ngắn ngủi quản lý chặt chẽ, nhưng nhà nước dần dần nới lỏng đối với công luận” (McHale, 2004: 40). Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được xuất bản nhiều nhất là vào giai đoạn 1920 đến 1939.

Khảo sát danh mục truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ, có hơn một nửa tác phẩm được nhà in Xưa Nay xuất bản. Những tác phẩm do nhà in Xưa Nay in ấn thường đầy đủ thông tin tác giả, người xuất bản, số lần in, giá bán, hình ảnh minh họa đẹp và thơ rõ ràng. Nhà in Xưa Nay tự nhận mình “chuyên nghề in mướn”, ngoài truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ nhà in Xưa Nay nhận in “hết thầy sách vở, kinh kệ, thiệp cưới, thiệp tang, danh thiếp với nhiều kiểu mẫu, màu sắc phong phú, đảm bảo chữ in rõ ràng, sạch sẽ mà giá thành rẻ” (Mạch Quốc Thoại, 1925: 76). Qua thông tin quảng cáo của nhà in Xưa Nay, có thể thấy công nghệ in vào đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ hiện đại có thể in số lượng lớn, mẫu mã phong phú, đa dạng. Thêm vào đó, trên các ấn phẩm truyện thơ do nhà in Xưa Nay xuất bản hầu hết đều có những khuyến cáo in lậu, như “Cuốn gian thì không có đóng con dấu của chủ bản xin chú vị chớ lầm”, “Bản hiệu chỉ mướn một mình nhà in Xưa Nay in thơ. Mua thơ phải nài cho được thơ của bản hiệu Quới Loan in tại nhà in Xưa Nay thì chú vị sẽ được hồi lòng vừa dạ”, “Cuốn gian không có con ‘dấu nổi’ của nhà in Xưa Nay”. Điều này cho thấy, thị trường in ấn những tác phẩm ít trang, giá rẻ diễn ra sôi động, một số nhà in ăn cắp bản quyền, tổ chức in lậu tác phẩm để trục lợi. Rất tiếc, chúng tôi không tìm thấy các ấn phẩm in lậu vì chúng được in ấn rồi bày bán, không thực hiện đăng ký và nộp lưu chiểu theo quy định nên chỉ có thể còn sót lại trong các tủ sách cá nhân.

Ngoài nhà in Xưa Nay, chúng tôi còn tìm thấy các nhà in khác tham gia xuất bản truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ như Bảo Tồn, Tín Đức

thư xã, Đức Lưu Phương, Đông Pháp, Thạnh Thị Mau. Mỗi nhà in họ có cách trình bày ấn phẩm của mình khác nhau và đều cho ấn phẩm của mình là tốt nhất, hay nhất và luôn có câu quảng cáo: muốn đọc thơ xin nài cho được các thứ thơ của nhà in Xưa Nay, của bản xã (Tín Đức thư xã). Nói về cách trình bày thơ, đa số các nhà in đều chọn hai cách sắp xếp thơ, một là theo kiểu “thượng lục, hạ bát” (tức trên sáu, dưới tám), hai là theo kiểu hai câu lục bát trình bày cùng một dòng. Vì muốn giảm giá thành nên các nhà in thường chọn kiểu trình bày thứ hai đối với các bản thơ có nội dung dài. Cách trình bày này giảm được số trang (thông thường 18 trang cả bìa), giá thơ ở mức trung bình, đồng thời cũng đảm bảo lợi nhuận cho chủ bản và nhà in. Tín Đức thư xã thì cho rằng cách trình bày hai câu lục bát cùng một dòng là rối, khó đọc: “Bởi vậy bản xã chẳng nài công khó nhọc, mướn người dịch lựa câu văn hay và cho đúng nghĩa, in theo lối kim thời để đọc giả dễ đọc và quyển thơ in rộng rãi, dày dặn, bìa lại có hình do nhà danh họa vẽ [vẽ]” (Lê Duy Thiện, 1929: 33). “In theo lối kim thời” mà Tín Đức thư xã đề cập là chia trang giấy thành hai cột và in theo kiểu “thượng lục, hạ bát” và có chú thích cách đọc cho đọc giả: “đọc hết cột bên trái, rồi đọc qua bên mặt (nghĩa là bên thuận được hiểu là bên phải)” (Lê Duy Thiện, 1929: 33). Cách trình bày này được Tín Đức thư xã sử dụng triệt để nhằm hạn chế số trang mỗi cuốn thơ do nhà in giữ bản quyền, đảm bảo lợi nhuận cho nhà in và chủ bản.

Phong trào “nói thơ” phát triển

Đặc trưng riêng của loại truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là được “sáng tác” và tồn tại gắn liền với hình thức diễn xướng nói thơ – một sản phẩm văn nghệ dân gian độc đáo của Nam Kỳ. Do tâm lý thưởng thức thơ ca của người dân Nam Kỳ bằng phương thức diễn xướng nên hình thức nói thơ được phổ biến rộng rãi khắp Nam Kỳ lục tỉnh, và đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu đối với người dân Nam Kỳ vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Quá trình khép kín của văn nghệ dân gian trải qua bốn khâu: tích truyện là khâu đầu tiên, diễn xướng là

khâu thứ hai, thường thức là khâu thứ ba và cuối cùng là hiệu quả nghệ thuật. Trong đó, diễn xướng đóng vai trò là cầu trung gian nối liền sáng tác với thường thức, là sự chở tải tích truyện đến chuyển giao cho người thường thức. Nghĩa là hình thức diễn xướng nói thơ đóng vai trò trung gian giúp người đọc biết đến, thường thức truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Truyện thơ Quốc ngữ được “sáng tác” khá phong phú và ra đời bằng nhiều cách, “có khi tác giả ứng khẩu thành từng *thứ*, từng *đoạn*, rồi thử tự mình nói thơ hoặc đưa ra cho ai đó ‘nói’ lên cho bà con trong xóm nghe. Nếu thơ ‘nghe đặng’ thì làm thêm *thứ* khác, bằng không thì sửa chữa rồi lại mới tiếp theo, thêm mãi cho đến khi trọn vẹn đầu đuôi” (Nguyễn Văn Hầu, 2004: 100). Đến đầu thế kỷ XX, một số người đứng ra lượm lặt theo khẩu truyền mà chép thành chữ Quốc ngữ và đứng tên vào tác phẩm để chịu trách nhiệm xuất bản. Tuy nhiên, không phải tất cả những tác phẩm được hình thành từ phong trào nói thơ đều được xuất bản thành truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ, như thơ *Thầy Thông Chánh*. Chúng tôi biết đến thơ *Thầy Thông Chánh* qua hình thức nói thơ do bà Đào Thị Mười (Thủ Thừa, Long An) diễn xướng, Nguyễn Hữu Hiệp sưu tầm (Nguyễn Hữu Hiệp và Lê Minh Quốc, 1998: 12). Nghiên cứu tư liệu, chúng tôi chưa tìm thấy mẫu quảng cáo nào của các nhà in giới thiệu đã xuất bản truyện thơ này. Nhiều khả năng, thơ *Thầy Thông Chánh* chưa từng được in thành sách vì nội dung chống lại quan Tây, không phù hợp với chính sách cai trị của nhà cầm quyền Pháp.

Mối quan hệ tương trợ giữa truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ và hình thức diễn xướng nói thơ là môi trường phát triển thuận lợi cho loại hình văn chương này. Đây cũng là lý do vì sao truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ chỉ phổ biến và được ưa chuộng ở Nam Kỳ.

Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ ra đời và thịnh hành trong giai đoạn chữ Quốc ngữ bắt đầu có chỗ đứng, công nghệ in ấn hiện đại phát triển mạnh ở Nam Kỳ. Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ có dung lượng nhỏ trên dưới 20 trang là những tác phẩm phù hợp để in thành cuốn nhỏ phục vụ

nhu cầu của độc giả. Người bình dân không biết chữ thường thức truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ thông qua hình thức diễn xướng nói thơ. Ngoài giá trị giải trí và giá trị giáo dục qua những bài học đạo lý, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ còn được xem là một phương tiện để học trò rèn luyện chữ Quốc ngữ. Chính vì lẽ đó, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được độc giả đón nhận nồng nhiệt suốt bốn thập niên đầu thế kỷ XX.

2. Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ: Thị trường và tiếp nhận của người đọc

Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là loại sách được in bằng chữ Quốc ngữ, xuất bản ở Sài Gòn và các vùng phụ cận từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, có giá bán phổ biến 0\$30 (ba mươi xu) một quyển. Thơ thường được in khổ 16cm x 24cm, dày từ 16 đến 30 trang (kể cả bìa). Trang bìa được in bằng giấy màu loại mỏng, có hình minh họa một cảnh nào đó trong truyện. Một trong những yếu tố đầu tiên tác động đến người đọc là tranh minh họa trên trang bìa ấn phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Tranh minh họa thường thể hiện một tình huống, một cảnh nào đó có ý nghĩa tác động đến cuộc đời của nhân vật chính hoặc nội dung tranh minh họa sẽ tạo nên sự tò mò của độc giả đối với nội dung tác phẩm.

Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là truyện thơ được viết bằng chữ Quốc ngữ, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát. Truyện có “tác giả”, được biên soạn hoặc “sáng tác” (có khi viết nối thêm theo hình thức thơ “hậu”) dựa vào một trong năm loại truyện dân gian Việt Nam, truyện thơ Nôm, truyện tích Trung Quốc, truyền thuyết Phật giáo và sự kiện, nhân vật có thật ở Việt Nam, đặc biệt là Nam Kỳ.

Nói cách khác truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là loại hình văn chương chỉ ra đời và phát triển ở Nam Kỳ từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Qua quá trình nghiên cứu và chọn lọc tư liệu, chúng tôi thấy những tác phẩm truyện thơ mang đầy đủ đặc điểm nêu trong khái niệm thường được người dân Nam Kỳ thường thức thông qua hình thức diễn xướng nói thơ. Chính điều này đã tạo nên nét đặc trưng của loại hình văn chương truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Dựa vào danh mục truyện thơ Quốc ngữ

Nam Kỳ, bắt đầu từ tác phẩm xuất bản sớm nhất đã sưu tầm được là *Tổng Tư Vụ truyện* (lần thứ 3: 1904) và muộn nhất trong giai đoạn trước 1945 là *Hậu Trần Minh* và *Tiết Giao đoạt ngọc* (1940), người viết rút ra một vài đặc điểm về tình hình xuất bản tác phẩm, đồng thời phân tích sự tiếp nhận và nhu cầu thưởng thức truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ của người đọc.

Sau khi tiến hành khảo sát toàn bộ danh mục truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ, thống kê số lượng bản in và số lần tái bản mỗi tác phẩm, kết quả cho thấy tác phẩm có số lần tái bản nhiều nhất là thơ *Sáu Trọng* (lần thứ 14), sau đó là *Con Tám con Cám*, *Lang Châu*, *Thoại Khanh Châu Tuấn* (lần thứ 7), *Nam Kinh Bắc Kinh*, *Lục Vân Tiên*, *Hoàng Trừu*, *Nàng Út*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Quan Âm điển ca* (lần thứ 6), *Chiêu Quân công Hồ*, *Dương Ngọc*, *Lý Công* (lần thứ 5); và ấn phẩm có số lượng bản in nhiều nhất là 5000 bản: thơ *Cậu Hai Miên* của Cừ Hoàn Sơn in lần thứ 3 và *Trần Minh khó chuối* của Cừ Hoàn Sơn in lần thứ nhất. Kết quả trên cho thấy, tác phẩm có số lần tái bản nhiều nhất là truyện thơ thời sự *Sáu Trọng* và tác phẩm có số lượng bản in nhiều nhất, vượt xa những tác phẩm khác cũng là một truyện thơ thời sự *Cậu Hai Miên*. Xét về số lượng tác phẩm, truyện thơ thời sự chiếm số lượng nhỏ nhất trong toàn bộ danh mục truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ nhưng hai tác phẩm có số bán cao nhất kể trên lại đều là truyện thơ thời sự. Tuy nhiên, không phải truyện thơ thời sự nào cũng được người dân Nam Kỳ yêu thích, ưa chuộng. Xét về đề tài, đây là hai tác phẩm có nội dung thể hiện tính đối kháng, kể về người “anh hùng” của nhân dân chống lại quan Tây và chính quyền thực dân Pháp. Người dân Nam Kỳ yêu thích thơ *Sáu Trọng* vì “người ta ghét cay ghét đắng con hai Đầu phản bội chồng để đi lấy Tây. Người ta phục lắm anh chàng Sáu Trọng gan dạ anh hùng” (Nguyễn Văn Hâu, 2012: 390) và các tay giang hồ hành hiệp đúng điệu nghệ. Người dân Nam Kỳ thích nghe thơ *Cậu Hai Miên* vì người ta yêu tính ngang tàng, bộc trực và gan dạ; mến phục hành động hào hiệp, trượng nghĩa ra tay trừng trị bọn quan lại, bọn du côn ức hiếp người sức yếu, thể

cô của Hai Miên.

Bên cạnh loại truyện thơ thời sự mang tính đối kháng, người dân Nam Kỳ cũng đặc biệt yêu thích loại truyện thơ cổ tích, người ta đau xót đến rơi lệ cho cảnh hai trẻ Xuân Nghi và Tấn Lực bị mẹ ghẻ là Tào Thị hành hạ mỗi ngày, thăm cảm phục nàng Cúc Hoa bất chấp âm dương cách biệt hiện về ôm lấy con thơ. Người ta phẫn nộ trước những âm mưu và hành động độc ác của mẹ con dì ghẻ (*Con Tám con Cám*) và thương xót cho thân phận nàng Cám mồ côi. Người ta khâm phục nàng Đệ Nhứt chung thủy với chàng nho sinh nghèo Trần Minh và khinh bỉ quan Thị Vệ tham phú phụ bản, phá vỡ lời hứa hôn năm xưa. Xét về đề tài, các tác phẩm trên đều là những tích truyện dân gian hướng người đọc noi gương những phẩm chất tốt đẹp của các nhân vật chính và tránh xa những thói hư tật xấu của con người. Nhân vật chính thường được xây dựng dựa trên chuẩn mực đạo đức của người Việt Nam nói chung và người dân Nam Kỳ nói riêng. Đó là những người con hiếu thảo; những người chồng người vợ thủy chung, vị tha; những người bạn tình nghĩa; những chàng nho sinh nghèo hiếu học vượt khó. Đối lập với họ luôn là những kẻ độc ác, xấu xa, đáng bị xã hội lên án và trừng phạt.

Tác giả truyện thơ cổ tích thường là những người biết chữ, xuất thân nho học luôn trân trọng những “áng văn xưa” của dân tộc. Trước sự thay đổi của xã hội, họ biên soạn, sửa lại “bồn cũ” sang Quốc ngữ nhằm phổ biến luân lý, đạo đức của dân tộc và chữ Quốc ngữ. Vì vậy, mở đầu tác phẩm, các tác giả thường đưa ra luận đề khen ngợi và tán dương những điều tốt đẹp, phản đối những sự bất công, cái ác và cái xấu trong cuộc sống hoặc trong tích truyện xưa. Sau đó, tác giả truyện thơ kể câu chuyện để minh họa cho chủ đích có sẵn, cho một tư tưởng xã hội mà họ hướng đến. Trong các truyện thơ cổ tích, nhân vật chính diện mang tư tưởng luận đề và kẻ chống lại luận đề sẽ bị lên án. Đặc điểm chung của những truyện thơ cổ tích được người dân Nam Kỳ yêu thích đó là những câu chuyện kết thúc có hậu; có đề tài, nội dung tư tưởng gần gũi với cuộc sống của người bình dân. Nhân vật

chính thường là những người nghèo khổ thuộc về phe chính nghĩa, thường biểu hiện những đức tính tốt đẹp và dù ít hay nhiều đều mang đặc tính Nam Kỳ.

Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là một sản phẩm thương mại, quyền tác giả được chuyển nhượng nhiều lần qua nhiều người, mà chủ yếu là các chủ hiệu sách hoặc nhà in. Việc sang nhượng quyền tác giả được các chủ bản ghi rõ trên bìa sách, như trang bìa thơ *Sáu Trọng* của chủ bản Phạm Văn Thịnh (1931) ghi rõ: “Cuốn này ông Đinh Thái Sơn đã bán đứt cho ông Lê Phước Thành. Ông Lê Phước Thành nhượng lại cho tôi” (*Sáu Trọng thơ*, 1931). Chủ bản có quyền đặt in tác phẩm ở nhiều nhà in khác nhau và thứ tự số lần xuất bản của ấn phẩm được tính riêng theo từng nhà in, ví dụ như cùng tác phẩm *Chàng Nhái Kiển Tiên* của Đặng Lễ Nghi, chủ bản Lê Phước Thành có nội dung và hình thức giống nhau, một bản được in tại nhà in Đức Lưu Phương, lần thứ 4 được ký nộp lưu chiểu ngày 31/01/1929, bản khác in tại nhà in Xưa Nay cũng lần thứ 4 ký nộp lưu chiểu ngày 09/10/1929. Hai ấn phẩm kể trên là một tác phẩm nhưng là hai sản phẩm thương mại khác nhau, nếu không có thông tin đầy đủ độc giả thậm chí các nhà nghiên cứu sẽ dễ nhầm hai ấn phẩm này là một.

Một số trường hợp năm xuất bản, số lần xuất bản, tái bản có sự khác nhau trong một ấn phẩm. Ví dụ, trong ấn phẩm *Chiêu Quân công Hồ* (thêm hát nam hát khách) có ghi trên trang bìa in lần thứ nhất năm 1913, nhưng thông tin nộp lưu chiểu thì ghi ngày 9/12/1928, không có số lần in. Điều này có nghĩa, nhà in và bán sách Nguyễn Văn Viết dùng ấn phẩm lần đầu để tái bản nhưng lại sơ suất không sửa thông tin trên trang bìa. Đây không phải là trường hợp duy nhất trong danh mục truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ, tương tự như vậy còn có ấn phẩm *Bạch Viên Tôn Các* (Đặng Lễ Nghi), và một số ấn phẩm in lại nhưng không sửa chữa thông tin khiến hai ấn phẩm có cùng số lần in nhưng lại khác thời gian. Trường hợp đặc biệt hơn là ấn phẩm *Lục Vân Tiên* (có hát nam hát khách) của Đặng Lễ Nghi do nhà in L'Union Ng.V.Cua phát hành, trang

bìa chính thì ghi in lần thứ tư, trang bìa lót thì ghi in lần thứ 6, tháng 9/1919. Theo chúng tôi, đây cũng là trường hợp tái bản, nhà in dùng lại bìa cũ của ấn phẩm trước đó nhưng không chỉnh sửa thông tin phù hợp thực tế.

Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được xuất bản, tái bản thịnh hành nhất vào khoảng 1927 đến 1939 và chủ yếu được phát hành bởi các nhà in tại Sài Gòn. Theo khảo sát của tác giả, số lượng ấn phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được in từ 1933 đến 1938, kết quả: năm 1933, có 51 tác phẩm được xuất bản; số lượng tác phẩm được xuất bản giảm dần còn 37 ấn phẩm (1934); 13 ấn phẩm (1935). Phần lớn các truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được xuất bản trong 3 năm 1933 đến 1935 là những tác phẩm xuất bản lần thứ nhất. Kết quả khảo sát này có ý nghĩa, trong vòng ba năm (1933-1935), có khoảng 101 tác phẩm được xuất bản và tái bản. Nếu chia trung bình cho ba năm và mỗi lần in là 2000 cuốn thì ước tính trung bình có hơn 67.000 cuốn thơ được bán ra thị trường.

Đến năm 1936, số lượng tác phẩm được in tăng lên 44 và giảm dần còn 20 tác phẩm (1937), 10 tác phẩm (1938). Hầu hết truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được in từ năm 1936 đến 1938 là những ấn phẩm tái bản lần 2 hoặc lần 3. Điều này cho thấy, theo chu kỳ 3 năm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được quan tâm xuất bản, tái bản một lần. Phần lớn truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được tái bản đến lần thứ 3, nhiều tác phẩm tái bản đến lần thứ 4, 5 và một số ít tái bản lần 6, 7. Những tác phẩm tái bản nhiều, trung bình cách 2 năm tái bản 1 lần, những cuốn được ưa chuộng thì mỗi năm “chủ bản” đều tái bản, thậm chí có tác phẩm mỗi năm tái bản 2 lần như *Thoại Khanh Châu Tuấn* (lần 6 – năm 1930, lần 7 – ngày 20/12/1930). Các bản thơ “hậu” thường tái bản đến lần thứ 2, chỉ vài tác phẩm tái bản lần 3.

Kết quả khảo sát trên cho thấy thời kỳ thịnh hành nhất là vào thập niên 20 và 30 của thế kỷ XX, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được bày bán hầu hết các hiệu sách, số lượng mỗi lần in thường từ 1.000 đến 3.000 bản. Những quyền được ưa chuộng có thể được in với số lượng lớn, nhiều quyền thơ tái bản đến lần thứ 6, thứ 7,

thậm chí có những quyển tái bản lần thứ 14. Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là loại sách ít trang, có giá bình dân nên được người dân Nam Kỳ yêu thích và lựa chọn mua để thưởng thức. Đến thập niên 40 của thế kỷ XX, do nhu cầu thưởng thức văn nghệ, văn chương của độc giả Nam Kỳ thay đổi, phong trào nói thơ không còn phổ biến như trước nên truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ dần mai một và bị lãng quên cho đến ngày nay.

3. Nguồn lưu trữ truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ

Truyện thơ Quốc ngữ đã được các nhà in ở Nam Kỳ xuất bản với số lượng khá lớn. Song, do yếu tố thời gian và những biến cố lịch sử nên chúng còn được lưu giữ không nhiều tại các Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Thư viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Hiện nay, Thư viện Quốc gia Việt Nam đang là nơi lưu giữ truyện thơ Quốc ngữ nhiều nhất và chủ yếu dưới hình thức vi phim. Trên thực tế, truyện thơ Quốc ngữ mà Thư viện đang lưu giữ là những cuốn được các nhà in nộp lưu chiểu, phần lớn được Chính quyền thực dân Pháp chuyển về lưu trữ tại Pháp và sau này chụp vi phim tặng lại cho Thư viện quốc gia Việt Nam. Trong cuốn *Thư viện Quốc gia Việt Nam 90 năm xây dựng và phát triển 1917 – 2007*, có ghi: “Trước khi rút chạy khỏi miền Bắc, thực dân Pháp đã chuyển ra khỏi Thư viện Quốc gia (Thư viện Quốc gia Việt Nam) từ 800 – 1000 hòm sách với hàng chục nghìn bản” (Phạm Thế Khang, 2007: 194-195) và tác giả cũng ghi nhận thêm: “Năm 1996, Thư viện Quốc gia Pháp gửi tặng Thư viện Quốc gia Việt Nam vi phích của 10.000 tên sách xuất bản ở Việt Nam trước tháng 10 năm 1954 hiện đang được bảo quản ở Thư viện Quốc gia Pháp” (Phạm Thế Khang, 2007: 195). Khi tiếp cận tác phẩm, chúng tôi thấy cuối mỗi bản vi phim truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ đều có thông tin về đơn vị, năm và nơi sản xuất phim: “Bibliothèque Nationale” (Thư viện Quốc gia), “Château de Sablé 1987” (Lâu đài Sablé, năm 1987). Theo tìm hiểu của chúng tôi, trung tâm kỹ thuật bảo tồn và phục chế tài

liệu in của Thư viện Quốc gia Pháp được đặt tại lâu đài Sablé, những tác phẩm vi phim này được sản xuất tại đó vào năm 1987. Từ những căn cứ trên, chúng tôi cho rằng những cuốn thơ vi phim được lưu giữ ở Thư viện Quốc gia Việt Nam thuộc trong số những tài liệu được Pháp trao tặng. Ngoài ra, chúng tôi tìm thấy những bản in truyện thơ Quốc ngữ, đây là những ấn phẩm nộp lưu chiểu được Thư viện Quốc gia lưu giữ đến nay. Các ấn phẩm này đều có chữ ký của chủ nhà in và thường ghi (bằng bút mực) đầy đủ các thông tin như số lần tái bản, ngày xuất bản, số lượng bản in cho lần xuất bản đó.

Hiện nay, ở Việt Nam đơn vị lưu trữ nhiều tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ nhất là Thư viện Quốc gia Việt Nam. Theo khảo sát của chúng tôi, hiện có hơn 450 ấn phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được lưu giữ tại đây, trong đó có khoảng hơn 284 ấn phẩm vi phim và hơn 174 ấn phẩm gốc (bản in giấy) truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Trong số ấn phẩm vi phim có khoảng 107 ấn phẩm trùng với ấn phẩm gốc.

Về các ấn phẩm gốc, hiện tại truyện thơ Quốc ngữ vẫn còn nhiều cuốn giữ được nguyên vẹn, đầy đủ trang, không bị hư hại nhiều; chủ yếu bị mối mọt ăn, hoặc bị rách do quá trình phục vụ độc giả nhưng cũng đã được thư viện tu bổ, phục chế. Những ấn phẩm trăm năm tuổi này hư hại chủ yếu do yếu tố thời gian và điều kiện bảo quản, rất ít sự tác động của con người vì chúng vẫn chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm và không nhiều độc giả biết đến. Tuy việc thu thập tư liệu mất rất nhiều thời gian và công sức, nhưng chúng tôi vẫn cố gắng sưu tầm hầu hết các ấn phẩm gốc được lưu trữ tại các thư viện, số còn lại trên thư mục có nhưng khi chúng tôi mượn thì có trường hợp mất, có trường hợp lưu nhầm thành một tác phẩm khác.

Trong quá trình sưu tầm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ, chúng tôi phát hiện nhiều tác phẩm có tên trong danh mục sách đã phát hành được in ở cuối hoặc đầu ấn phẩm nhưng tra cứu tại các thư viện không có. Tưởng rằng đã mất nhưng thực tế là do thư mục lưu trữ của thư viện sai tên, sai tác giả, sai chính tả hoặc thiếu thông tin, như *thơ Năm Tý* thì ghi thành “Năm Tử”, hoặc *thơ*

Thằng Lía thì ghi “Thằng Bá”, *Chàng Nhái Kiến Tiên* thì ghi “Kiến Tiên” hoặc “Kiểu Tiên”, *Con Tám con Cám* thì thành “con Tấn con Cám”, *Mục Liên Thanh Đề* thì ghi “Mục Liên Thánh Đề”, *Đãi yến Đoàn Hồng Ngọc* thì ghi “Đãi yến Đoàn Hồng Ngọc”, *Trần Minh khổ chuỗi* thì ghi “Trần Minh khổ chuỗi” và còn rất nhiều trường hợp khác.

Những tác phẩm có cả ấn phẩm gốc và vi phim, chúng tôi ưu tiên chọn sưu tầm ấn phẩm gốc được in trên giấy, những trường hợp đặc biệt, ấn phẩm giấy bị hư hại, không còn nguyên hoặc mất mát trong quá trình lưu trữ thì chúng tôi mới sưu tầm ấn phẩm vi phim. Sau nhiều đợt thu thập tư liệu, chúng tôi đã sưu tầm được 220 ấn phẩm trong phạm vi nghiên cứu. Nếu dựa vào tên tác phẩm thì chúng tôi có 107 truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Đặc trưng của loại hình văn chương này là loại tác phẩm có tác giả, một tích truyện có thể do nhiều người biên soạn, chỉnh sửa thành các tác phẩm khác nhau về ngôn ngữ thơ; hoặc một tên tác phẩm có thể do nhiều tác giả “sáng tác” thành các tích truyện có nội dung khác nhau, thường gặp ở các “bồn thơ hậu”. Cho nên, chúng tôi căn cứ vào hai yếu tố là tên tác phẩm và tên tác giả để thống kê số lượng tác phẩm thì được hơn 163 truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. 58 ấn phẩm còn lại là những truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ có cùng tên tác phẩm, cùng tác giả nhưng khác người xuất bản (chủ bồn) hoặc khác nhà in. Hiện nay, chúng tôi chưa sưu tầm đầy đủ tất cả các lần in khác nhau giống tên tác giả, người xuất bản và nhà in. Các ấn phẩm tái bản này được lưu trữ dưới dạng vi phim và chúng tôi đã có ít nhất một ấn phẩm có cùng tên, cùng tác giả nên chúng được xếp thứ tự ưu tiên cuối cùng. Trong tương lai chắc chắn chúng tôi sẽ tiếp tục bổ sung vào danh mục nghiên cứu các ấn phẩm này. Ngoài ra, còn nhiều truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ khác được xuất bản sau năm 1945 hoặc không có căn cứ để xác định khoảng thời gian xuất bản, chúng tôi không đưa vào danh mục nghiên cứu.

Tất nhiên, số tác phẩm đã tìm được chưa phản ánh đầy đủ tình hình xuất bản truyện thơ Quốc ngữ lúc bấy giờ, nhưng về cơ bản đã bao quát gần

hết số tác phẩm mà các nhà in cũng như độc giả khi ấy quan tâm. Chỉ còn một số ít truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ đã được giới thiệu trên các trang bìa sau của các truyện thơ, trên báo nhưng hiện nay chúng tôi chưa tìm được, ví như *Thơ Bảy Tài*, *Bùi Kiệm kiện Phú Loan*, *Đon Nguyệt Nga kêu oan cho Bùi Kiệm*, *Trảm Trịnh Ân*, *Tây Thi ngộ Phù Ta*, *Ngũ Tử Tư*, *Mổ tim Tỷ Cang*.

4. Kết luận

Sự thay đổi hệ thống chữ viết và công nghệ in hiện đại là những yếu tố tác động đến sự ra đời và phát triển rầm rộ phong trào in ấn và xuất bản truyện thơ Quốc ngữ. Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là sản phẩm của giai đoạn văn học giao thời đầu thế kỷ XX với hình thức ấn phẩm hiện đại, như: hình vẽ minh họa, thông tin về tác giả, tác quyền, địa chỉ nhà in, số lần in, giá bán, thời gian xuất bản, quảng cáo và danh mục sách đã xuất bản. Những yếu tố cận văn bản này tạo nên hình thức ấn phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ mới và phong phú hơn so với các ấn phẩm chữ Nôm trước đó. Về chữ viết, nội dung truyện thơ được viết bằng chữ Quốc ngữ, tuy nhiên, người ta dùng hai loại văn tự để ghi tên tác phẩm (chữ Nho và chữ Quốc ngữ). Đây là biểu hiện của sự tiếp nối giữa cái cũ và mới, nhằm giúp những trí thức Nho học chưa biết hoặc chưa thông thạo chữ Quốc ngữ có thể tiếp cận truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ qua tên tác phẩm.

Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là những văn bản xưa cần được trân trọng, là những tác phẩm văn học có giá trị cần được bảo tồn. Chúng tôi mong muốn, càng ngày sẽ có càng nhiều người quan tâm đến loại hình văn chương này, tiếp tục sưu tầm những tác phẩm chúng tôi chưa tìm được, và dành thời gian để nghiên cứu từng tác phẩm cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Kim Đính (1929). *Trần Đại Lang*. Xuất bản lần 1. Gia Định, Nhà in Đông Pháp.
- Nguyễn Văn Hầu (2004). *Điện mạo văn học dân gian Nam Bộ* (Tập 2). Tp. HCM, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Văn Hầu (2012). *Văn học miền Nam lục tỉnh* (Tập 1). Tp. HCM, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Hữu Hiệp và Lê Minh Quốc (1998). *Thơ Thầy Thông Chánh, Sáu Trọng, Hai Miêng:*

- Lưu hành tại Nam Kỳ đầu thế kỷ XX*. Tp. HCM, Nxb Trẻ.
- Phạm Thế Khang (chủ biên) (2007). *Thư viện Quốc gia Việt Nam 90 năm xây dựng và phát triển*. Hà Nội, Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- McHale, S. F. (2004). *Print and Power: Confucianism, Communism and Buddhism in the Marking of Modern Vietnam*. Honolulu, University of Hawai'i Press.
- Nguyễn Trọng Thạc (1936). *Quan Công đơn đao phó hội đặt theo tích truyện Tam Quốc*. Xuất bản lần 2. Sài Gòn, Nhà in Xưa Nay.
- Lê Duy Thiện (1929). *Chàng Nhái*. Xuất bản lần 1. Sài Gòn, Tín Đức thư xã.
- Mạch Quốc Thoại (1925). *Cảm ứng, âm chất, giác thế, công quá cách, tín thế ngộ chơn*. Sài Gòn, Nhà in Xưa Nay.
- Nguyễn Văn Trung (1974). *Chữ, văn Quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc*. Sài Gòn, Nam Sơn.
- Nguyễn Văn Trung (2015). *Hồ sơ về Lục châu học - Tìm hiểu con người ở vùng đất mới*. Tp. HCM, Nxb Trẻ.